

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HS-PT

Ngày: 15/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Đặng Đình Lực.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Phạm Đức Thắng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 1026/2023/TLPT-HS ngày 25 tháng 9 năm 2023; do có kháng cáo của các bị hại Trần Tuấn H, Giáp Hoàng Anh V, Vũ Thị M và Nguyễn Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2023/HS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

* Bị cáo bị kháng cáo:

Trần Tô K, tên gọi khác: Không, sinh năm 1984 tại Bắc Giang;

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Phòng 810, Chung cư S, tổ E, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp trước khi bị khởi tố: Chuyên viên Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy tỉnh B (đã cho thôi việc theo Quyết định số 228, ngày 23/11/2022); trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị khai trừ ra khỏi đảng theo Quyết định số 89-QĐ/UBKT ngày 11/5/2022 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy các cơ quan tỉnh Bắc Giang; con ông Trần Hoàng L, sinh năm 1956 và con bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1957; có vợ là Trần Thị M1, sinh năm 1988 (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; gia đình có 03 người con, bị cáo là con thứ hai; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27/11/2022 đến nay, có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Dương Minh K1, Luật sư Văn phòng luật sư Dương Minh N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo K từ chối người bào chữa được Tòa án chấp nhận.

** Bị hại có kháng cáo:*

1. Ông Trần Tuấn H, sinh năm 1985, có mặt;

Nơi cư trú: Số nhà E, ngõ A đường T, tổ D, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Giáp Hoàng Anh V1, sinh năm 1988, có mặt;

Nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985, có mặt;

Nơi cư trú: Số nhà G, ngõ A, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

4. Bà Vũ Thị M, sinh năm 1967, có mặt;

Nơi cư trú: Số I, đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

** Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho các bị hại Trần Tuấn H, Giáp Hoàng Anh V1 và Nguyễn Văn T: Ông Nguyễn Văn N1, Luật sư Văn phòng L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B, có mặt.*

** Ngoài ra còn một số bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không kháng cáo, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do làm ăn bị thua lỗ muốn có tiền tiếp tục tham gia các giao dịch chứng khoán phái sinh, Trần Tô K đã đưa ra các thông tin gian dối như có quan hệ quen biết với ông Trần Anh T1 - Giám đốc Công ty cổ phần T5 (Công ty T5) nên có thể mua được một số lô đất với giá ưu đãi tại các dự án do Công ty T5 làm chủ đầu tư; vay tiền đầu tư kinh doanh xăng dầu; vay tiền để đáo hạn Ngân hàng để người khác tin tưởng giao tiền nhờ mua đất, cho K vay tiền. Để người khác thêm tin tưởng, bị cáo K đã nảy sinh ý định làm giả hợp đồng đặt mua đất nền dự án giữa K với Công ty T5; K sử dụng điện thoại truy cập mạng xã hội Z thấy có người không rõ tên, tuổi, địa chỉ đăng nội dung nhận làm giả con dấu, K đã liên hệ, thuê làm giả 01 con dấu mang tên Công ty T5 với giá 2.000.000 đồng; sử dụng máy tính soạn thảo các tài liệu sau:

- Hợp đồng đặt mua đất nền dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp số 107 đề ngày 30/3/2022, nội dung: Khương đặt mua của Công ty T5 lô đất LKA 14, 15, 16, 17; mỗi lô có diện tích 100m² với giá 2.050.000.000 đồng.

- Hợp đồng đặt mua đất nền dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp số 94 đề ngày 22/4/2022, nội dung: Khương đặt mua của Công ty T5 lô đất LKA 08, 09; mỗi lô có diện tích 100m² với giá 2.500.000.000 đồng; Giấy xác nhận khách hàng nộp tiền đề ngày 25/4/2022, Thông báo nộp tiền đặt cọc lần 2 đề ngày 19/7/2022.

- Hợp đồng đặt mua đất nền dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp số 108 đề ngày 11/5/2022, nội dung: Khương đặt mua của Công ty T5 lô đất LKA 14, diện tích 100m² với giá 2.400.000.000 đồng.

- Hợp đồng góp vốn đầu tư dự án khu đô thị T đề ngày 26/8/2022, nội dung: Khương đặt mua Công ty T5 lô đất LKB 11, 12; mỗi lô có diện tích 100m² với giá 1.900.000.000 đồng.

Sau khi soạn thảo các tài liệu trên, K ký giả chữ ký của ông Trần Anh T1 rồi dùng con dấu giả đóng vào các hợp đồng, giấy xác nhận và thông báo. Trong khoảng thời gian từ ngày 30/3/2022 đến ngày 12/11/2022, K đã dùng các thủ đoạn nêu trên lừa đảo chiếm đoạt của 08 người bị hại với tổng số tiền 17.533.999.000 đồng. Cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt của anh Trần Tuấn H, sinh năm 1985, trú tại số E, ngõ A, tổ D, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang số tiền 8.903.400.000 đồng:

Thông qua anh Giáp Hoàng Anh V1, sinh năm 1988, trú tại thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, anh Trần Tuấn H quen biết K và biết K là cán bộ Ủy ban kiểm tra có làm thêm về mua bán bất động sản.

Cuối tháng 3/2022, K giới thiệu với anh H rằng ông Trần Anh T1 - Giám đốc Công ty T5 là bạn học của K, K có thể mua được một số lô đất tại Dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp thuộc xã T, thành phố B do Công ty T5 làm chủ đầu tư với giá ưu đãi. Do mới quen biết Khương nên ngày 30/3/2022 anh H đã chuyển số tiền 1.435.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng V2 số 99991215999 mang tên anh H đến tài khoản Ngân hàng V2 số 145058902 mang tên Giáp Hoàng Anh V1 để nhờ anh V1 đứng ra đặt cọc mua giúp 02 lô đất; cùng ngày, anh V1 đã chuyển toàn bộ số tiền trên đến tài khoản Ngân hàng V2 số 172250084 của K. Đến cuối tháng 4/2022, K nói đã ký hợp đồng đặt cọc mua 08 lô đất tại dự án trên và gửi hình ảnh Hợp đồng số 107 ngày 30/3/2022 ký kết giữa K và ông Trần Anh T1 - Giám đốc Công ty T5 cho anh H xem, có nội dung K đã đặt mua 04 lô đất thuộc Block: LKA 14, 15, 16, 17. Do tin tưởng nên từ ngày 27/4/2022 đến ngày 18/5/2022 anh H đã 6 lần chuyển tổng số tiền 817.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng V3 số 101001985607 mang tên Nguyễn Thị L1 là vợ anh H đến tài khoản Ngân hàng V2 số 172250084 mang tên K để đặt cọc mua tiếp 02 lô đất.

Ngày 23/5/2022, anh H đã ký Hợp đồng số 107 đặt mua của Khương 04 lô đất thuộc Block: LKA 14, 15, 16, 17 mỗi lô có diện tích 100m² - Dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp thuộc xã T, thành phố B (bao gồm cả 02 lô đất anh H nhờ anh V1 đứng ra đặt cọc giúp). Sau đó anh H tiếp tục đặt cọc mua 04 lô đất thuộc Block: LKB 07, 08, 15, 19 mỗi lô có diện tích 100m² - Dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp thuộc xã T, thành phố B. Từ ngày 31/5/2022 đến ngày 28/10/2022 anh H đã 26 lần chuyển tổng số tiền 6.915.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng V2 số 172250084 mang tên K (trong đó 1 lần chuyển số tiền 200.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng V2 số 99991215999 mang tên anh H và 25 lần chuyển tổng số tiền 6.715.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng V3 số 101001985607 mang tên Nguyễn Thị L1-vợ anh H). Đến hạn nộp tiền đợt thứ 3, anh H liên lạc, tìm gặp K nhưng không được.

Ngày 25/11/2022, anh H có đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra Hợp đồng đặt mua đất nền số 107 đề ngày 23/5/2022; 99 tờ giấy A4 in nội dung nhắn tin giữa anh H và K; 31 tờ giấy A4 in nội dung thể hiện việc anh H chuyển tiền cho K.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Tuấn H yêu cầu K trả lại số tiền 8.903.400.000 đồng.

2. Chiếm đoạt của anh Đỗ Văn T2, sinh năm 1982, trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang số tiền 1.000.000.000 đồng:

K và anh T2 công tác cùng cơ quan. Tháng 5/2022, K nói với anh T2 rằng ông T1 - Giám đốc Công ty T5 là bạn học của K; K có thể mua suất đất với giá ưu đãi của Công ty T5 và cho anh T2 xem hợp đồng đặt cọc mua đất K ký với Công ty T5. K nói đang thiếu tiền nên đặt vấn đề vay anh T2 1.000.000.000 đồng và hứa hẹn khi bán đất có lãi sẽ cho anh T2 200.000.000 đồng; anh T2 tin là thật nên đồng ý nhưng yêu cầu vợ chồng K cùng ký vào giấy vay tiền. Ngày 15/5/2022, K cùng vợ là chị Trần Thị M1 viết, ký giấy vay tiền, nội dung vay anh T2 1.200.000.000 đồng (bao gồm 1.000.000.000 đồng tiền gốc và 200.000.000 đồng K hứa sẽ cho anh T2), thời hạn vay đến ngày 15/11/2022 rồi giao cho anh T2 giữ. Trong các ngày 16 và 17/5/2022 anh T2 nhờ em gái là Đỗ Thị L2 chuyển 02 lần tổng số tiền 700.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng A số 2511205635210 mang tên chị L2 sang tài khoản Ngân hàng V2 số 172250084 mang tên K; ngày 25 và 26/5/2022 anh T2 chuyển 02 lần tổng số tiền 300.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng A số 19028606107016 mang tên anh T2 sang tài khoản Ngân hàng V2 số 172250084 mang tên K. Đến hạn anh T2 đòi tiền thì K khất lần không trả.

Ngày 22/3/2023, anh T2 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 Giấy vay tiền đề ngày 15/5/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Anh T2 yêu cầu trả lại 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là 12%/năm tính từ ngày vay.

3. Chiếm đoạt của anh G Hoàng Anh V1, sinh năm 1988, trú tại thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang số tiền 1.825.600.000 đồng:

Trần Tô K có quan hệ quen biết với anh G Hoàng Anh V1. Khoảng giữa tháng 7/2022, K nói đang có suất ngoại giao để mua được đất có giá trị tốt và rủ anh V1 cùng góp vốn mua 01 lô đất diện tích 94m² trị giá 1.316.000.000 đồng thuộc dự án tại phường Đ, thành phố B do Công ty T5 làm chủ đầu tư. Do tin tưởng nên anh V1 đồng ý, ngày 25/7/2022 anh V1 chuyển số tiền 460.600.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng V2 số 145058902 mang tên anh V1 đến tài khoản Ngân hàng V2 số 172250084 mang tên K để góp vốn lần 1.

Cuối tháng 8/2022, K gửi cho anh V1 xem hình ảnh Hợp đồng góp vốn đầu tư dự án khu đô thị T đề ngày 26/8/2022 giữa K và ông Trần Anh T1 - Giám đốc Công ty T5, nội dung Khương góp vốn đầu tư 02 lô đất LKB 11, 12 diện tích mỗi lô 100m² - Dự án khu đô thị T thuộc xã T - thành phố B. K rủ anh V1 tham gia góp vốn mua 02 lô đất trên, theo đó mỗi người góp đợt 1 là 665.000.000 đồng

nhưng K nói chỉ có 30.000.000 đồng và hỏi vay anh V1, anh V1 đồng ý; trong các ngày 25/8/2022 và ngày 29/8/2022 anh V1 02 lần chuyển tổng số tiền 1.300.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng V2 số 145058902 mang tên anh V1 đến tài khoản Ngân hàng V2 số 172250084 mang tên K (Trong đó có 665.000.000 đồng mua đất và 635.000.000 đồng tiền cho vay. Đến ngày 08/10/2022 K đã trả lại cho anh V1 số tiền vay trên).

Ngoài ra K nói cần tiền đáo hạn ngân hàng và kinh doanh xăng dầu; K đặt vấn đề vay tiền anh V1, hứa hẹn sẽ chia lợi nhuận. Do tin tưởng nên anh V1 đồng ý, trong các ngày 04/10/2022 và 19/10/2022 anh V1 đã 02 lần chuyển tổng số tiền 700.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng V2 số 145058902 mang tên anh V1 đến tài khoản Ngân hàng V2 số 172250084 mang tên K.

Ngày 07/12/2022, anh V1 giao nộp cho Cơ quan điều tra 05 ảnh chụp Hợp đồng góp vốn đầu tư dự án khu đô thị T đề ngày 26/8/2022; 06 ảnh chụp màn hình tin nhắn Zalo với người có tên “A Khương UBKTBG”; 15 tờ phiếu báo nợ có của tài khoản V2 mang tên anh V1.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Giáp Hoàng Anh V1 yêu cầu trả lại 1.825.600.000 đồng.

4. Chiếm đoạt của anh Vũ Tất T3, sinh năm 1984, trú tại phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn số tiền 1.625.000.000 đồng:

K và anh V1 Tất Thắng có quan hệ bạn bè thân thiết từ trước. K nói có thể mua được 02 lô đất LKA 08 và LKA 09 Dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp thuộc xã T, thành phố B do Công ty T5 làm chủ đầu tư với giá ưu đãi. Do K không đủ tiền mua cả 02 lô đất trên nên K đặt vấn đề bán lại cho anh T3 01 lô; K còn gửi qua Zalo hình ảnh chụp Hợp đồng đặt cọc mua đất nền dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp số 94 đề ngày 22/4/2022 giữa K với ông Trần Anh T1 - Giám đốc Công ty T5, nội dung K đặt cọc mua lô đất LKA 08 và LKA 09 diện tích mỗi lô 100m² Dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp thuộc xã T, thành phố B; Giấy xác nhận khách hàng nộp tiền đề ngày 25/4/2022 và Thông báo nộp tiền đặt cọc lần 2 đề ngày 19/7/2022 của Công ty T5 cho anh T3 xem. Do tin tưởng nên ngày 28/7/2022 anh T3 chuyển số tiền 1.625.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng A số 8409207000189 mang tên anh T3 sang tài khoản Ngân hàng B số 43110000176887 mang tên K. Khương viết, ký vào giấy giao nhận tiền giao anh T3 giữ cùng Hợp đồng đặt cọc mua đất nền dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp số 94 đề ngày 22/4/2022, Giấy xác nhận khách hàng nộp tiền đề ngày 25/4/2022, Thông báo nộp tiền đặt cọc lần 2 đề ngày 19/7/2022.

Tháng 9/2022 anh T3 đến Công ty T5 thấy chữ ký của ông Trần Anh T1 - Giám đốc Công ty T5 trong các văn bản niêm yết tại Công ty không giống chữ ký của ông T1 trong hợp đồng đặt cọc mua đất mà K giao cho mình nên đã hỏi thì K vẫn khẳng định chữ ký là thật và viết vào mặt sau giấy giao nhận tiền đề ngày 28/7/2022, nội dung Khương cam kết đến ngày 01/02/2023 sẽ được giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu không được thì K sẽ mua lại lô đất với giá 3.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó do không tin tưởng nên anh T3 không đồng ý tiếp tục mua đất và đòi lại tiền; từ ngày 05/9/2022 đến ngày 22/10/2022 K

đã 04 lần chuyển trả từ tài khoản Ngân hàng V2 số 172250084 mang tên K đến tài khoản Ngân hàng L4 số 889899999999 mang tên anh T3 tổng số 1.320.000.000 đồng, còn chiếm đoạt 305.000.000 đồng.

Ngày 12/3/2023, anh T3 giao nộp cho Cơ quan điều tra Hợp đồng đặt mua đất nền dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp số 94 đề ngày 22/4/2022; Giấy xác nhận khách hàng nộp tiền đề ngày 25/4/2022; Thông báo nộp tiền đặt cọc đề ngày 19/7/2022; Giấy giao nhận tiền đề ngày 28/7/2022, mặt sau có ghi nội dung cam kết của Trần Tô K; 01 ảnh chụp Giấy ủy nhiệm chi đề ngày 28/7/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Tất T3 yêu cầu trả lại 305.000.000 đồng.

5. Chiếm đoạt của anh Dương Quang K2, sinh năm 1981, trú tại tổ dân phố Q, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang số tiền 750.000.000 đồng:

Khuong có quan hệ quen biết với anh K2 từ trước. Ngày 14/10/2022, K nói dối anh K2 là cần tiền đáo hạn ngân hàng và đặt vấn đề vay tiền, K hứa hẹn trong thời hạn 5 đến 7 ngày sẽ trả gốc và chia lợi nhuận cho anh K2. Do tin tưởng nên anh K2 đồng ý và chuyển 02 lần tổng số tiền 750.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng T6 số 19031186144019 mang tên anh K2 đến tài khoản Ngân hàng V2 số 172250084 mang tên K. Đến hạn trả tiền thì K lấy lý do để kéo dài; đến cuối tháng 10/2022 thì K thừa nhận đã sử dụng tiền vay đầu tư chứng khoán và bị thua hết nên không có tiền trả.

Về trách nhiệm dân sự: Anh K2 yêu cầu trả lại 750.000.000 đồng.

6. Chiếm đoạt của chị Vũ Thị M, sinh năm 1967, trú tại số 1 đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang số tiền 1.000.000.000 đồng:

Khuong có quan hệ quen biết với anh Trần Xuân H1, sinh năm 1985, trú tại số C đường L, phường D, thành phố B; K được anh H1 cho biết chị Vũ Thị M ở gần nhà anh H1 có tiền cho vay nên ngày 07/11/2022 K đã đến gặp chị M. Khuong nói dối là có người nhà có cây xăng, có nguồn mua hàng số lượng lớn, dự đoán sắp tới xăng dầu sẽ tăng giá nên mua trước chờ lên giá sẽ bán lấy lãi; K đặt vấn đề vay chị M 1.000.000.000 đồng trong thời hạn 15 ngày, hứa hẹn có lãi sẽ chia lợi nhuận cho chị M. Do tin tưởng nên chị M đồng ý giao cho K 400.000.000 đồng và chuyển 02 lần tổng số tiền 600.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng B số 43110000197037 mang tên chị M đến tài khoản Ngân hàng V2 số 0988576888 mang tên K; K viết, ký giấy vay tiền giao chị M giữ. Đến hạn chị M nhiều lần đòi tiền thì K khất lần không trả.

Ngày 26/11/2022, chị M có đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra Giấy vay tiền đề ngày 07/11/2022; 02 tờ sao kê giao dịch của Ngân hàng B; 07 ảnh chụp màn hình nội dung tin nhắn giữa chị M với K.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Vũ Thị M yêu cầu trả lại 1.000.000.000 đồng.

7. Chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985, trú tại số G, ngõ A đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang số tiền 1.930.000.000 đồng:

Khuong có quan hệ quen biết với anh T thông qua anh Trần Tuấn H. Khuong nói dối làm kinh doanh xăng dầu, nhận định giá xăng dầu sẽ tăng, nếu có

vốn mua gom hàng đợi tăng giá bán thì sẽ thu lợi nhuận; K đặt vấn đề vay tiền để kinh doanh xăng dầu, hứa hẹn sẽ chia lợi nhuận cho anh T. Do tin tưởng, anh T đã đồng ý cho K vay 03 lần tổng số 1.850.000.000 đồng. Cụ thể:

- Lần thứ nhất vào ngày 07/11/2022 anh T chuyển 3 lần tổng số tiền 1.000.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng M2 số 19034108505012 và số 0000270225084 mang tên anh T đến tài khoản Ngân hàng V2 số 172250084 mang tên K; K viết, ký vào giấy vay tiền, nội dung K vay anh T 1.000.000.000 đồng, hạn đến ngày 16/11/2022 sẽ trả đầy đủ.

- Lần thứ hai vào ngày 09/11/2022 anh T chuyển 2 lần tổng số tiền 770.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng M2 số 19034108505012 mang tên anh T đến tài khoản Ngân hàng V2 số 172250084 mang tên K; K viết, ký vào giấy vay tiền, nội dung K vay anh T 800.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng.

- Lần thứ ba vào ngày 10/11/2022 anh T chuyển số tiền 130.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng M2 số 0000270225084 mang tên anh T đến tài khoản Ngân hàng V2 số 172250084 mang tên K; K viết, ký vào giấy vay tiền, nội dung K vay anh T 80.000.000 đồng, hứa sẽ trả đầy đủ cho anh T trước ngày 25/11/2022 rồi chụp và gửi hình ảnh giấy vay tiền cho anh T (Do ban đầu K hỏi vay 80.000.000 đồng nhưng sau đó hỏi vay thêm 50.000.000 đồng).

Đến hạn anh T nhiều lần đòi thì trong các ngày 11 và 16/11/2022 K 2 lần chuyển trả tổng số 42.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng V2 số 172250084 mang tên K đến tài khoản Ngân hàng M2 số 0000270225084 mang tên anh T; còn chiếm đoạt 1.888.000.000 đồng.

Ngày 10/3/2023 và ngày 22/3/2022, anh T giao nộp cho Cơ quan điều tra Giấy vay tiền đề ngày 07/11/2022; Giấy vay tiền đề ngày 09/11/2022; ảnh chụp giấy vay tiền đề ngày 10/11/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn T yêu cầu trả lại 1.888.000.000 đồng và tiền lãi là 01%/tháng.

8. Chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984, trú tại lô số 34 ALK 42 đường H, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang số tiền 499.999.000 đồng:

Điệp có quan hệ quen biết với Khuông Văn T4; sáng ngày 12/11/2022, anh Đ gặp anh T4 và Trần Tô K tại quán cà phê thuộc xã T, thành phố B. Tại đây, K đặt vấn đề vay tiền anh Đ, anh Đ yêu cầu phải có tài sản thế chấp thì mới cho vay. Sau khi anh Đ ra về được khoảng 15 phút thì K điện thoại nói có hợp đồng đặt cọc mua đất làm tài sản thế chấp, anh Đ đồng ý. Tại nhà anh Đ, K giao cho anh Đ 01 Hợp đồng đặt cọc mua đất dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp số 108 đề ngày 11/5/2022 giữa K với ông Trần Anh T1 - Giám đốc Công ty T5, nội dung Khương đặt cọc mua lô đất LKA 14, diện tích 100m² với giá 2.400.000.000 đồng - Dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp thuộc xã T, thành phố B. Do tin tưởng nên anh Đ đồng ý cho K vay 1.000.000.000 đồng. Khương viết, ký vào Hợp đồng mượn tiền giao anh Đ giữ cùng Hợp đồng đặt cọc mua đất trên; anh Đ sử dụng tài khoản Ngân hàng M2 số 689559559 chuyển số tiền 499.999.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng V2 số 0988576888 của K, anh Đ tiếp tục chuyển tiền cho K

nhưng do bị lỗi tài khoản nên không chuyển được. Đến ngày 14/11/2022 anh Đ đến Công ty T5 hỏi thì biết con dấu trên hợp đồng đặt cọc mua đất K giao cho anh Đ không phải là của Công ty T5 nên đã đòi tiền nhưng K khất lần không trả.

Ngày 25/11/2022, anh Đ có đơn tố cáo và giao nộp cho Cơ quan điều tra Hợp đồng đặt mua đất nền dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp số 108 đề ngày 11/5/2022 và Hợp đồng mượn tiền số 06 đề ngày 12/11/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đ yêu cầu trả lại 499.999.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trên: Hợp đồng đặt mua đất nền dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp số 108 đề ngày 11/5/2022, Hợp đồng mượn tiền số 06 đề ngày 12/11/2022 do anh Nguyễn Văn Đ giao nộp; Hợp đồng đặt mua đất nền số 107 đề ngày 23/5/2022 do anh Trần Tuấn H giao nộp; Giấy vay tiền đề ngày 15/5/2022 do anh Đỗ Văn T2 giao nộp; Hợp đồng đặt mua đất nền dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp số 94 đề ngày 22/4/2022, Giấy xác nhận khách hàng nộp tiền đề ngày 25/4/2022, Thông báo nộp tiền đặt cọc đề ngày 19/7/2022, Giấy giao nhận tiền đề ngày 28/7/2022 mặt sau có ghi nội dung cam kết của Trần Tô K do anh Vũ Tất T3 giao nộp; Giấy vay tiền đề ngày 07/11/2022 do chị Vũ Thị M giao nộp; Giấy vay tiền đề ngày 07/11/2022, Giấy vay tiền đề ngày 09/11/2022 do anh Nguyễn Văn T giao nộp.

* Kết luận giám định số 2204 ngày 01/12/2022 của Phòng K3 Công an tỉnh B kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung “Công ty cổ phần T5” dưới mục “Đại diện bên A” trên Hợp đồng đặt mua đất nền dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp” số 108 đề ngày 11/5/2022 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn Đ dưới mục “Người cho mượn tiền” trên Hợp đồng mượn tiền số 06 đề ngày 12/11/2022 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn Đ trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký mang tên Trần Tô K dưới mục “Đại diện bên B” trên Hợp đồng đặt mua đất nền dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp” số 108 đề ngày 11/5/2022; chữ ký, chữ viết trên Hợp đồng mượn tiền số 06 ngày 12/11/2022 (trừ nội dung đã kết luận ở trên) so với chữ ký, chữ viết của Trần Tô K trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký, viết ra.

* Kết luận giám định số 377 ngày 06/3/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh B kết luận:

- Chữ ký mang tên Trần Anh T1 dưới mục “Đại diện bên A” trên Hợp đồng đặt mua đất nền dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp” số 108 ngày 11/5/2022 so với chữ ký cùng dạng của Trần Tô K trên tài liệu mẫu là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký, chữ viết trên Giấy vay tiền đề ngày 07/11/2022 so với chữ ký, chữ viết của Trần Tô K trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký, viết ra.

* Kết luận giám định số 464 ngày 20/3/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh B kết luận:

- Chữ ký mang tên Trần Tô K dưới các mục “Đại diện bên A”, “Đại diện bên B”, “Người nộp tiền” trên Hợp đồng đặt mua đất nền dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp số 107 đề ngày 23/5/2022, Hợp đồng đặt mua đất nền dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp số 94 đề ngày 22/4/2022, Giấy xác nhận khách hàng nộp tiền đề ngày 25/4/2022, Thông báo nộp tiền đặt cọc lần 2 đề ngày 19/7/2022 so với chữ ký của Trần Tô K trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Trần Anh T1 dưới các mục “Đại diện bên A”, “Giám đốc” trên Hợp đồng đặt mua đất nền dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp số 94 đề ngày 22/4/2022, Giấy xác nhận khách hàng nộp tiền đề ngày 25/4/2022, Thông báo nộp tiền đặt cọc lần 2 đề ngày 19/7/2022 so với chữ ký cùng dạng của Trần Tô K trên tài liệu mẫu là do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn mang tên Công ty cổ phần T5 trên Hợp đồng đặt mua đất nền dự án khu đô thị hỗn hợp giải trí cao cấp số 94 đề ngày 22/4/2022, Giấy xác nhận khách hàng nộp tiền đề ngày 25/4/2022, Thông báo nộp tiền đặt cọc lần 2 đề ngày 19/7/2022 so với hình dấu tròn của Công ty cổ phần T5 trên các tài liệu mẫu là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

* Kết luận giám định số 526 ngày 28/3/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh B kết luận: Chữ ký, chữ viết trên Giấy giao nhận tiền đề ngày 28/7/2022, Giấy vay tiền đề ngày 07/11/2022, Giấy vay tiền đề ngày 09/11/2022, Giấy vay tiền đề ngày 15/5/2022 - trừ chữ ký, chữ viết mang tên Vũ Tất T3 dưới mục “Người cho vay”, chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn T dưới mục “Người vay” và tại lề trên bên phải trên Giấy vay tiền đề ngày 07/11/2022; chữ viết dưới mục “2/Thông tin bên cho vay”; chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn T dưới mục “Bên cho vay” và tại lề trên bên phải “Giấy vay tiền đề ngày 09/11/2022; chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị M1 dưới mục “Người vay - vợ” và chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Văn T2 tại lề trên bên phải Giấy vay tiền đề ngày 15/5/2022 so với chữ ký, chữ viết của Trần Tô K trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký, viết ra.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2023/HS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định; căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trần Tô K 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Tô K phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 19 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2022.

Ngoài ra, bản án còn buộc trách nhiệm dân sự, quyết định xử lý vật chứng, tuyên lỗi suất chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/8/2023 các bị hại là Nguyễn Văn T, Giáp Hoàng Anh V1, Trần Tuấn H có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Tô K; ngày 29/8/2023 bị hại Vũ Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những bị hại gồm: Vũ Thị M, Nguyễn Văn T, Giáp Hoàng Anh V1 và Trần Tuấn H xác định chỉ kháng cáo về trách nhiệm hình sự là đề nghị tăng hình phạt đối bị cáo K lên chung thân, các nội dung khác nhất trí như bản án sơ thẩm nên không kháng cáo.

- Bị cáo Trần Tô K trình bày: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã quy kết và nhất trí với mức hình phạt của bản án sơ thẩm, nên bị cáo không kháng cáo, các bị hại kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

- Các bị hại có kháng cáo thống nhất trình bày: Bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, điểm v không đúng. Vì số tiền bị cáo khắc phục hậu quả là rất ít, quá trình công tác tuy bị cáo có nhiều thành tích nhưng chỉ được công nhận là chiến sỹ thi đua cơ sở và chỉ được tặng giấy khen. Trong thời gian công tác bị cáo đã lợi dụng chức vụ là cán bộ Ủy ban kiểm tra tỉnh Ủy Bắc Giang đề lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 08 người với số tiền là 17.533.999.000 đồng, đây là số tiền rất lớn, hành vi phạm tội mang tính liên tục nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, c, e, g khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 16 năm tù tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là quá nương nhẹ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tăng hình phạt đối với bị cáo lên chung thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa thì cấp sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ, đúng pháp luật; khi xét xử cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo; đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo mức án như bản án sơ thẩm là có căn cứ; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới nên không có căn cứ tăng hình phạt đối với bị cáo, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của những bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của những bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho các bị hại là Nguyễn Tuấn H2, Giáp Hoàng Anh V1 và Nguyễn Văn T trình bày: Bản án sơ thẩm áp dụng pháp luật không đúng, cụ thể áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không đúng. Vì, bị cáo chưa thật sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục hậu quả chỉ mới được khoản 6% số tiền chiếm đoạt; bị cáo chỉ được tặng giấy khen. Hơn nữa bản án sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần và có tính chất chuyên nghiệp là

thiếu sót; bị cáo lợi dụng chức vụ để lừa đảo. Do đó, hình phạt 16 năm tù đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là quá thấp, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị hại, tăng hình phạt đối với bị cáo lên tù chung thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo mặc dù Tòa án đã chỉ định Luật sư Dương Minh K1 bào chữa cho bị cáo, nhưng bị cáo đã từ chối người bào chữa và tự bào chữa cho mình; thấy việc từ chối người bào chữa là quyền của bị cáo được pháp luật chấp nhận, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 77 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận việc xét xử không có người bào chữa cho bị cáo.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Tô K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã quy kết; xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phù hợp với toàn bộ lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; đối chiếu lời khai của bị cáo thấy cơ bản phù hợp với lời khai của những bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đặc biệt là các kết luận giám định. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Do nợ nần tiền nhiều không có khả năng chi trả, nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của những bị hại, Trần Tô K đã đưa ra những thông tin gian dối, không đúng sự thật là mình có mối quan hệ với ông Trần Anh T1, Giám đốc Công ty T5, nên có khả năng mua được các lô đất trong các dự án của Công ty T5 với giá ưu đãi; vay tiền để đầu tư kinh doanh xăng dầu; vay tiền để đáo hạn Ngân hàng. Để tăng thêm sự tin tưởng, Trần Tô K đã tìm hiểu và thông qua mạng xã hội thuê làm 01 con dấu giả mang tên Công ty T5, sau đó sử dụng máy tính soạn thảo các tài liệu, các hợp đồng đặt mua nền dự án, giấy xác nhận khách hàng nộp tiền, thông báo nộp tiền... làm cho các bị hại tin tưởng. Với thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian từ 30/3/2022 đến ngày 12/11/2022, bị cáo đã lừa đảo để chiếm đoạt tiền của 08 bị hại với số tiền là 17.533.999.000 đồng, sau khi các bị hại đòi bị cáo đã khắc phục được 1.362.000.000 đồng, số còn lại bị cáo chiếm đoạt. Với những hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Tô K về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo Điều 174 và Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật; bị cáo không bị oan.

[3] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến khách thể là quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ; xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, tổ chức; còn gây hoang mang, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Do số tiền bị cáo chiếm đoạt trên 500.000.000 đồng và bị cáo sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để thực hiện tội phạm đặc biệt

ng nghiêm trọng, nên bị cáo bị truy tố, xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của những bị hại, Hội đồng xét xử thấy: Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất đặc biệt nghiêm trọng do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra; đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã bồi thường, khắc phục được một phần hậu quả; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc, 04 lần được công nhận danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở, 01 lần được tặng giấy khen; bố đẻ của bị cáo là ông Trần Hoàng L là bệnh binh, ông nội của bị cáo là người có công nên được tặng Huân chương kháng chiến; tại phiên tòa sơ thẩm bị hại là ông Đỗ Văn T2 và ông Vũ Tất T3 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo mức án 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là phù hợp, không cao. Tuy nhiên, đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo đã lừa 08 người để lấy 17.533.999.000 đồng, sau khi các bị hại đòi bị cáo chỉ mới hoàn trả được số tiền 1.362.000.000 đồng, còn lại số tiền 16.171.999.000 đồng bị cáo chiếm đoạt. Do đó, với số tiền bị cáo chiếm đoạt là rất lớn, sau khi bị khởi tố gia đình bị cáo chỉ mới khắc phục được 970.000.000 đồng, số tiền này là quá ít so với số tiền bị cáo chiếm đoạt, nên mức hình phạt 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là quá nương nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị hại, cũng như ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại để tăng hình phạt đối với bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tuy nhiên, Luật sư cho rằng, bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự không đúng, cũng như không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là bị cáo phạm tội nhiều lần và có tính chất chuyên nghiệp là không đúng. Bởi vì, bản án sơ thẩm đã áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo tuy phạm tội 8 lần nhưng không lấy đó làm nguồn sống chính, nên Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là có căn cứ. Do đó, ý kiến của Luật sư về nội dung này không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên mức hình phạt như bản án sơ thẩm là chưa phù hợp.

[5] Về án phí: Các bị hại có kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của những bị hại, gồm: Ông Trần Tuấn H, ông Giáp Hoàng Anh V1, ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị M; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2023/HS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trần Tô K 19 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Tô K phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 22 (hai mươi hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2022.

Về án phí: Ông Trần Tuấn H, ông Giáp Hoàng Anh V1, ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2023/HS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Cơ quan THAHS Công an Bắc Giang;
- Cơ quan CS Điều tra Công an Bắc Giang;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo (qua trại tạm giam);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, Phòng HCTP-VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm